

Số:/BC-UBND

Minh Tân, ngày 30 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc Thực hiện KH Thu - Chi ngân sách xã;
Đến ngày 25 tháng 6 năm 2021. Trình kỳ họp thứ nhất
HĐND XÃ KHOÁ: XXII - NHIỆM KỲ 2021 -2026

Phần thứ nhất

THU NGÂN SÁCH XÃ

(ĐVT: đồng)

STT	Nội dung	Kế hoạch thu NSX đầu năm 2021	Thực hiện	So sánh thực hiện DT toàn năm (%)
A	Tổng thu ngân sách xã	5.840.400.000	21.277.714.665	364,32
I	Các khoản thu 100%	95.000.000	12.371.878.170	13.023,03
1	Thu phí, lệ phí	15.000.000	12.916.000	86,11
2	Thu quỹ đất công ích HLCS	50.000.000	11.900.332.000	23.800,66
-	Trong đó: Quỹ đất công ích HLCS	50.000.000	22.557.000	45,11
-	Thu hỗ trợ Nhà nước thu hồi đất theo quy định		11.877.775.000	
3	Thu khác	30.000.000	458.630.170	1.528,77
-	Thu chuyển nguồn	-	401.957.170	
-	Thu tiền phạt	-	9.100.000	
-	Thu phạt chậm nộp thuế		48.000	
-	Thu thanh lý vật tư phá dỡ nhà làm việc trạm Y tế xã, Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường Tiểu học Nguyễn Đức Sáu và hàng rào sắt trước cửa UBND xã		47.525.000	
II	Thu các khoản phân chia theo tỷ lệ %	1.595.900.000	1.207.981.495	75,69
1	Thuế thu nhập cá nhân	12.000.000	15.135.049	126,13
2	Thu thuế môn bài	3.500.000	3.600.000	102,86
3	Thuế đất phi nông nghiệp	6.400.000	-	-
4	Thu lệ phí trước bạ nhà đất	50.000.000	55.694.028	111,39
5	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000.000	1.100.047.200	73,34
6	Thu thuế giá trị gia tăng, VAT	24.000.000	33.505.218	139,61
III	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	4.149.500.000	7.697.855.000	185,51
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3.861.300.000	2.068.600.000	53,57
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	288.200.000	5.629.255.000	1.953,25

PHẦN II : CHI NGÂN SÁCH XÃ

ĐVT: đồng

Đến ngày 25 tháng 6 năm 2021. Trình kỳ họp thứ nhất HĐND xã

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện	So sánh thực hiện DTnăm (%)
A	Tổng chi ngân sách xã	23.845.851.170	17.677.284.050	74,13
I	Chi đầu tư phát triển	18.821.030.000	15.772.832.300	83,80
1	Chi đầu tư XD CB	17.227.775.000	14.207.105.000	82,47
1,1	Xây dựng Trường học	770.000.000	770.000.000	100,00
1,2	Xây dựng phòng tiếp dân khu công sở UBND xã	5.500.000.000	5.500.000.000	100,00
1,3	Giao thông	10.957.775.000	7.937.105.000	72,43
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.593.255.000	1.565.727.300	98,27
-	Xây dựng Hạ tầng KDC mới số 1 thôn Ưông Thượng (canh B. Tảo)	1.328.896.800	1.328.896.800	100,00
-	Di chuyển đường điện 35 KV (KDC mới số 1 thôn Ưông Thượng)	264.358.200	236.830.500	89,59
II	Chi thường xuyên	4.496.764.000	1.904.451.750	42,35
1	Chi công tác quân sự	322.500.000	159.158.500	49,35
2	Chi công tác an ninh	118.020.000	57.843.000	49,01
3	Chi SN giáo dục (GD, PGD, TTHTCĐ)	10.000.000	1.440.000	14,40
4	Chi sự nghiệp văn hoá TT	16.300.000	3.515.000	21,56
5	Chi truyền thanh	47.100.000	22.898.500	48,62
6	Chi thể dục thể thao	46.300.000	1.200.000	2,59
7	Chi sự nghiệp kinh tế	35.900.000	4.300.000	11,98
-	<u>Trong đó</u> : Giao thông	20.300.000	1.750.000	8,62
-	SN nông nghiệp - thủy lợi	15.600.000	2.550.000	16,35
8	Chi sự nghiệp xã hội	192.613.000	82.237.000	42,70
-	<u>Trong đó</u> : Phụ cấp C/bộ hưu xã	162.613.000	80.502.000	49,51
-	Chi hoạt động XH	30.000.000	1.735.000	5,78
9	Sự nghiệp môi trường	16.300.000	3.300.000	20,25
10	Chi xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	50.000.000	-	-
11	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.631.731.000	1.568.559.750	43,19
11,1	Chi Hội đồng nhân dân	404.223.000	167.849.950	41,52
11,2	Chi Ủy ban nhân dân xã	1.792.988.000	742.820.800	41,43
11,3	Chi C/tác Đảng	642.600.000	290.046.100	45,14
11,4	Chi Mặt trận tổ quốc	242.007.000	113.611.300	46,95
11,5	Chi hoạt động thanh tra nhân dân	6.000.000	2.980.000	49,67
11,5	Đoàn thanh niên	119.183.000	36.321.300	30,48
11,6	Hội phụ nữ	143.250.000	77.464.400	54,08
11,7	Hội cựu chiến binh	78.964.000	44.155.700	55,92
11,8	Hội nông dân	104.123.000	45.184.000	43,39

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện	So sánh thực hiện DT năm (%)
11,9	Hội chữ thập đỏ	17.311.000	11.905.200	68,77
11,10	Hội người cao tuổi	35.622.000	22.811.000	64,04
11,11	Hội khuyến học	13.004.000	2.682.000	20,62
11,12	Hội cựu Thanh niên xung phong	21.728.000	5.364.000	24,69
11,13	Hội chất độc da cam	10.728.000	5.364.000	50,00
12	Chi khác	10.000.000	-	-
III	Các nguồn Dự phòng NSX	528.057.170	-	
1	Dự phòng NSX 2021	30.000.000		
2	Tiết kiệm chi TX năm 2021	23.000.000		
3	Tiết kiệm chi TX năm 2020 chuyển sang năm 2021	23.000.000		
4	50% tăng thu 2019+2020, để CCTL	302.057.170		
5	Dự phòng 10 % VĐT xây dựng, theo quy định năm 2021	150.000.000		

Phần III Kế hoạch Thu - Chi NSX 6 tháng cuối năm 2021

UBND xã phấn đấu hoàn thành 100 % KH Thu- Chi NSX năm 2021

PHẦN THỨ III

(ĐVT : đồng)

CÁC KHOẢN THU HỒ - CHI HỒ ĐẾN NGÀY 25 THÁNG 6 NĂM 2021

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Thu năm 2021	Chi năm 2021	Số dư cuối kỳ
1	Thu, quỹ PCTT nợ cũ	-	545.000	-	545.000
2	Hỗ trợ tiền chúc thọ, mừng thọ các cụ 70-95, 100 tuổi nhân dịp tết Nguyên đán 2021		29.700.000	29.700.000	-
3	Quỹ hỗ trợ người nghèo	4.500.000			4.500.000
4	Quỹ đền ơn đáp nghĩa gửi K/bạc ST: 48.697.400 (đồng)		-	-	-
5	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách		9.169.600	9.169.600	-
6	Hỗ trợ tiền thu hồi đất công điền UBND xã GPMB xây dựng khu đô thị mới phía bắc cầu Hàn (Nộp NSX)	-	11.877.775.000	11.877.775.000	-
7	Tiền xã hội hóa +MTTQ nộp tiền quỹ toàn dân ủng hộ phòng chống dịch COVID-19	21.061.000	62.530.000	67.295.000	16.296.000
8	Thu lệ phí trước bạ	17.000			17.000
9	Thu tiền làm bì đồ đất thổ cư	6.328.500	-	-	6.328.500
10	Đóng góp tự nguyện bảo vệ đất soi	61.278.007	10.934.000	-	72.212.007
11	Thu đóng góp VSMT, nghĩa địa Mã bà	16.768.000	-		16.768.000
12	Các khoản khác	3.268.000	-		3.268.000
Tổng cộng		113.220.507	11.990.653.600	11.983.939.600	119.934.507

CÂN ĐỐI TỔNG CÂN ĐỐI, THU - CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**Tổng thu số tiền : 33.381.588.772 đồng****Tổng chi số tiền : 29.661.223.650 đồng****Còn dư số tiền 3.720.365.122 đồng**

Ngày 25 tháng 6 năm 2020

KẾ TOÁN NSX**Trịnh Xuân Diệp**